

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/DS-ST  
Ngày: 24/4/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự  
về vay tài sản và hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Hồng Gái

Ông Nguyễn Văn Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký **Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất**, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Y**, sinh năm: 1958. Địa chỉ: **Số nhà C, tổ C, ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Hồ Minh Q** (Quý) - (**Tùng A**), sinh năm: 1976 và bà **Võ Thị T** (tên gọi khác **Hồng E**), sinh năm: 1974. Địa chỉ: **Số nhà G, ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (Ông **Q** có đơn xin vắng mặt, bà **T** ó mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Y** trình bày:

Nguyên vào năm 2023, bà có cho vợ chồng ông Hồ Minh Q, bà Võ Thị T (Hồ N), cùng thường trú tại ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang vay hai lần với tổng số tiền là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng cụ thể như sau:

- Lần thứ 1: Vào ngày 11/02/2023, vợ chồng ông Q hỏi vay bà số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để vợ chồng ông Q làm ăn.
- Lần thứ 2: Vào ngày 24/5/2023, vợ chồng ông Q tiếp tục hỏi vay bà thêm số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để vợ chồng ông Q chi tiêu sinh hoạt gia đình.

Sau khi vay tiền lần hai, vợ chồng ông Q, bà T hứa trong vòng 15 ngày sẽ hoàn trả lại cho bà hết số tiền nợ gốc 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng). Tuy nhiên, sau khi mượn tiền vợ chồng ông Q, bà T không đóng lãi đầy đủ cho bà, bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Q trả nợ gốc và đóng lãi cho bà, nhưng vợ chồng ông Q không trả mà cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác và không trả cho bà, sự việc này kéo dài cho đến nay đã hơn một năm, vợ chồng ông Q cố tình né tránh lánh mặt bà nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Bên cạnh đó, vợ chồng ông Q có tham gia chơi hụi với bà (bà làm chủ hụi), hụi số một tháng một lần (có sổ hụi kèm theo), mỗi đầu là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), hụi có 21 chân, hình thức chơi hụi là ai bỏ hụi cao thì được hốt. Vợ chồng ông Q, bà T tham gia 01 chân, ngày 20/6/2022 ả vợ chồng ông Q hốt (xổ lần thứ 3) với số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Sau khi hốt hụi, vợ chồng ông Q đóng cho bà được 11 lần hụi chết với số tiền là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), còn lại 07 lần hụi chết nữa, vợ chồng ông Q không đóng cho bà với số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà như sau:

Bà yêu cầu Tòa án tính lãi khoản tiền vay số tiền 100.000.000 đồng, từ ngày 24/5/2023 đến ngày 24/02/2024 là 09 tháng, đã trả được 01 tháng, còn 08 tháng, với mức lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 13.280.000 đồng.

Đối với số tiền vay 30.000.000 đồng, từ ngày 24/5/2023 ả, tính đến ngày 24/02/2024 còn nợ lại 03 tháng, với mức lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 1.494.000 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi hai khoản vay tính đến ngày 24/02/2024 là 144.774.000 đồng + tiền hụi 70.000.000 đồng là 214.744.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc 130.000.000 đồng từ ngày 25/02/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho bà.



**Bị đơn ông Hồ Minh Q và bà Võ Thị T trình bày:**

Vợ chồng ông thừa nhận có vay số tiền 130.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Y. Cụ thể:

- + Lần 1 vay 30.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng là 1.500.000 đồng.
- + Lần 2 vay 20.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng 3.000.000 đồng;
- + Lần 3 vay 50.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng 7.500.000 đồng;
- + Lần 4 vay 30.000.000 đồng, tiền lãi mỗi tháng 1.500.000 đồng;

T1 vay lần thứ 4, chỉ mới thiếu tiền lãi khoảng 03 tháng nay.

Còn tiền vay lần 1, 2, 3 tính sang tiền tháng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng, tính đến ngày 24/02/2024 là còn thiếu 09 tháng, vợ chồng ông đã đóng được 01 tháng, nên chỉ còn thiếu 08 tháng.

Vợ chồng ông có tham gia hội áp ngày 20/6/2022 do bà Y làm chủ hội. Vợ chồng ông còn thừa nhận còn thiếu số tiền hội chết do bà Y làm chủ 07 lần hội chết với số tiền 70.000.000 đồng. Việc thiếu tiền là phải trả, nhưng xin trả chậm. Vì hiện tại vợ chồng ông làm ăn thất bại.

Vợ chồng ông đồng ý trả số tiền vay gốc 130.000.000 đồng và xin tiền lãi, tiền hội 70.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, tháng nào làm được thì trả nhiều hơn cho đến khi thanh toán xong nợ.

*Tại phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Y yêu cầu vợ chồng ông Hồ Minh Q, bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền cụ thể:

- Tiền vay 100.000.000 đồng, tính từ ngày 24/5/2023 đến ngày 24/4/2024 là 11 tháng, đã trả được 01 tháng, còn 10 tháng, với mức lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 16.660.000 đồng.

- Tiền vay 30.000.000 đồng vào ngày 24/5/2023 ã, tính đến ngày hoà giải 24/02/2024 là còn nợ lại 03 tháng, do vậy tính đến ngày xét xử 24/4/2024 là 05 tháng, với mức lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 2.490.000 đồng.

- Tiền nợ hội còn thiếu là 70.000.000 đồng

Tổng cộng gốc và lãi hai khoản vay tính đến ngày 24/4/2024 là 149.090.000 đồng + tiền hội 70.000.000 đồng là 219.090.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc 130.000.000 đồng từ ngày 25/4/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho bà.

Bà Võ Thị T thừa nhận vợ chồng bà còn nợ bà Y số tiền vay gốc 130.000.000 đồng, số tháng tiền lãi và nợ hội 70.000.000 đồng. Vợ chồng bà đồng ý trả các khoản tiền này, nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, khi nào bán đất được đất sẽ trả một lần hết số nợ còn lại cho bà Y.

*Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ cơ sở để đưa vụ án ra xem xét giải quyết.

Về hướng đề nghị giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông **Hồ Minh Q**, bà **Võ Thị T** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Nguyễn Thị Y** tổng cộng gốc, lãi hai khoản vay tính đến ngày 24/4/2024 là 149.090.000 đồng + tiền hụi 70.000.000 đồng là 219.090.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật trên số nợ gốc 130.000.000 đồng từ ngày 25/4/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho bà **Y**.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông **Hồ Minh Q**, bà **Võ Thị T** phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định vụ án này như sau:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, bà **Nguyễn Thị Y** yêu cầu vợ chồng ông **Hồ Minh Q**, bà **Võ Thị T** phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay và tiền nợ hụi. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản và hợp đồng góp hụi; bị đơn ông **Q**, bà **T** có nơi cư trú tại **số nhà G, ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang**, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Bà **Nguyễn Thị Y** có chồng là ông **Huỳnh Thanh H**, sinh năm: 1951 đang ở cùng với bà **Y** tại địa chỉ **số nhà C, ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang**. Ông **H** có bản tự khai đề ngày 02/4/2024 với nội dung: Việc vợ ông (**Nguyễn Thị Y**) cho vợ chồng ông **Q**, bà **T** vay tiền và tham gia chơi hụi là do vợ ông quyết định, ông không tham gia vào này. Khi xảy ra tranh chấp với vợ chồng ông **Q**, bà **T**, thì ông giao toàn bộ việc khởi kiện cho vợ ông tự quyết định và đề nghị Tòa án không đưa



ông vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do đó, HĐXX không đưa ông **Huỳnh Thanh H** vào tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông **Hồ Minh Q** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn xin vắng mặt, nên HĐXX căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS 2015, vẫn tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt đương sự tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:* Qua lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có cơ sở xác định như sau:

Vợ chồng ông **Hồ Minh Q**, bà **Võ Thị T** có vay tiền của bà **Nguyễn Thị Y** với tổng số tiền gốc là 130.000.000 đồng (Hai bên có làm biên nhận vay tiền ngày 11/02/2023) và tham gia chơi hụi còn nợ hụi chết là 70.000.000 đồng. Bà **Y** có đòi nhiều lần tiền vay gốc, lãi và tiền nợ hụi, nhưng vợ chồng ông **Q**, bà **T** cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác, nhưng không trả, vợ chồng ông **Q** cố tình lánh mặt bà nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, bà **Nguyễn Thị Y** yêu cầu HĐXX buộc vợ chồng ông **Hồ Minh Q**, bà **Võ Thị T** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tổng cộng gốc, lãi hai khoản vay tính đến ngày 24/4/2024 là 149.090.000 đồng + tiền hụi 70.000.000 đồng là 219.090.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số nợ gốc 130.000.000 đồng từ ngày 25/4/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho bà.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Y**, HĐXX thấy rằng: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2024 (BL 15), Biên bản hòa giải ngày 02/4/2024 (BL 20-21) và tại phiên tòa, vợ chồng ông **Q**, bà **T** đều thừa nhận còn nợ bà **Y** số tiền vay gốc là 130.000.000 đồng, số tháng chưa đóng lãi, nợ hụi 70.000.000 đồng và đồng ý trả bà **Y**. Đây là các tình tiết được các bên đương sự thừa nhận, nên không cần phải chứng minh và được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.2] Đối với yêu cầu của vợ chồng ông **Q**, bà **T** về việc xin bà **Y** cho vợ chồng bà trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, vì kinh tế của vợ chồng bà hiện đang khó khăn, khi nào bán được đất sẽ trả một lần hết số nợ còn lại cho bà **Y**. Tuy nhiên, bà **Y** không đồng ý với yêu cầu xin trả dần của bà **T**, mà yêu cầu vợ chồng bà **T** phải trả lại một lần hết số tiền nợ. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - **Bộ T2** hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong Bản án, Quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án, nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của vợ chồng bà **T**. Tuy nhiên, nếu vợ chồng bà **T** thật sự có khó khăn về

kinh tế thì có thể làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Do đó, trong quá trình nghị án và thảo luận, HĐXX có cơ sở chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông **Q**, bà **T** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Nguyễn Thị Y** tổng cộng gốc, lãi của hai khoản vay tính đến ngày 24/4/2024 là 149.090.000 đồng + tiền nợ hui 70.000.000 đồng là 219.090.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật trên số nợ gốc 130.000.000 đồng từ ngày 25/4/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho bà.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 47, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc vợ chồng ông **Q**, bà **T** phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền 219.090.000 đồng phải trả cho bà **Nguyễn Thị Y** là 10.954.500 đồng (làm tròn 10.955.000 đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các các Điều 463, Điều 466, Điều 467 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 16, Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ hui, biên, phường.

- Áp dụng mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - **Bộ T2**.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 47, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Buộc vợ chồng ông **Hồ Minh Q**, bà **Võ Thị T** phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Nguyễn Thị Y** tổng cộng gốc, lãi của hai khoản vay tính đến ngày 24/4/2024 là 149.090.000 đồng + tiền hui 70.000.000 đồng là 219.090.000đ (*Hai trăm mười chín triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*).



Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông **Hồ Minh Q**, bà **Võ Thị T** phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm 10.955.000đ (*Mười triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/4/2024); Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thì được quyền kháng cáo Bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Nguyễn Thanh H1**